

Bản án số: 275/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lan

2. Bà Nguyễn Mai Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Lê Thị Thanh T sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** ông Nguyễn Văn Đ sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ đã ly hôn theo Bản án số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 2 năm 2022 nhưng chưa giải quyết về phần tài sản chung, trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Đ có tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 có kết cấu cột bê tông, kèo gỗ quy cách, vách tường, mái tole, nền gạch men cremic gắn liền với thửa đất 1478 có diện tích 56m² tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Khi giải quyết ly hôn bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung để vợ chồng thỏa thuận bên ngoài nhưng vợ chồng bà thỏa thuận không được. Nay bà yêu cầu chia đôi tài sản trên theo giá Hội đồng định giá đã định, bà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông xác định căn nhà và

thửa đất như bà T trình bày là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà T yêu cầu chia đôi tài sản này ông không đồng ý vì ông muốn để lại cho các con.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Ông Đ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và tài sản tranh chấp tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T yêu cầu chia tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung: Tại bản án số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 2 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà T ly hôn với ông Đ, chưa giải quyết về tài sản chung do bà T không có yêu cầu. Nay bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà gắn liền với thửa đất số 1478, diện tích 56m² tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà yêu cầu nhận bằng giá trị; ông Đ không đồng ý chia tài sản chung vì ông muốn để lại cho các con. Chúng mình cho yêu cầu khởi kiện bà T nộp “Tờ cam kết” có chữ ký tên của bà T và ông Đ. Xét thấy, tờ cam kết có nội dung thể hiện căn nhà tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của bà T và ông Đ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T và ông Đ đều xác định căn nhà gắn liền với thửa đất 1478 có diện tích 56m² tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nguyên tắc thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, có tính đến hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng. Ông Đ đang quản lý căn nhà và thửa đất này ổn định từ khi tạo lập cho đến nay, do đó về nhu cầu thực tế thì ông Đ có nhu cầu sử dụng căn nhà và thửa đất 1478 hơn bà T nên giao ông Đ hết toàn bộ căn nhà và thửa đất 1478 và Đ phải hoàn trả lại bà T ½ giá trị căn nhà và thửa đất 1478 theo giá Hội đồng định giá đã định là phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Theo kết quả của Hội đồng định giá thì căn nhà có giá là

96.957.000 đồng, thửa đất 1478 diện tích 56m² có giá thị trường là 350.000.000 đồng. Tổng cộng nhà, đất của bà T và ông Đ có giá 447.307.000 đồng. Do đó, ông Đ phải hoàn trả cho bà T ½ giá trị căn nhà và thửa đất 1478 tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang số tiền là 223.653.500 đồng là phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: bà T, ông Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T.

1.1 Chia cho bà Lê Thị Thanh T ½ giá trị căn nhà và ½ giá trị thửa đất 1478 tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang với tổng số tiền là 223.653.500 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng) do ông Nguyễn Văn Đ hoàn trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Chia cho ông Nguyễn Văn Đ căn nhà và thửa đất 1478 có diện tích 56m² (có ký hiệu từ T1, T2 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22 tháng 7 năm 2022) tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01975 ngày 03 tháng 10 năm 2013.

Căn nhà và thửa đất 1478 ông Nguyễn Văn Đ được chia có tứ cận như sau: hướng Đông giáp kênh, hướng Tây giáp đường bê tông, hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P, hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn B. (Có sơ đồ kèm theo).

1.3 Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ hoàn trả bà Lê Thị Thanh T ½ giá trị căn nhà và ½ giá trị thửa đất 1478 tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang với tổng số tiền là 223.653.500 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn Đ chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Bà Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung là 11.182.675 đồng (mười một triệu một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009871 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; bà T còn phải nộp 7.432.675 đồng (bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung.

3.2 Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung là 11.182.675 đồng (mười một triệu một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

